TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Thành phố Hồ Chí Minh – Tháng 8 năm 2025

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
Ký ngày: 28/8/2025 15:11:44

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn)*.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 21/5/2025)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 24/6/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 7.2, bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0300398888 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ- CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 232/2025/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26/8/2025, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN		MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**		**1.546.954.670.164**	**1.646.286.558.124**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**175.398.683.453**	**189.258.492.532**
1.	Tiền	111		137.398.683.453	108.258.492.532
2.	Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	81.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**29.651.205.994**	**16.151.205.994**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.651.205.994	16.151.205.994
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**790.427.408.595**	**899.927.410.921**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	590.057.324.431	707.515.475.503
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	62.884.992.993	81.007.023.245
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	139.371.342.688	113.438.019.766
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(1.886.251.517)	(2.033.107.593)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.6**	**494.890.351.953**	**442.016.202.145**
1.	Hàng tồn kho	141		495.633.030.560	443.351.420.184
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(742.678.607)	(1.335.218.039)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**56.587.020.169**	**98.933.246.532**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6.996.360.440	10.435.232.071
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.962.140.260	86.618.539.200
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	6.628.519.469	1.879.475.261
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)**	**200**		**430.213.535.437**	**448.635.191.160**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**21.291.265.469**	**27.291.265.469**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	21.291.265.469	27.291.265.469
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**176.118.648.911**	**180.245.464.931**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	167.970.707.606	174.311.256.365
	- *Nguyên giá*	*222*		*781.249.507.844*	*780.837.067.150*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(613.278.800.238)*	*(606.525.810.785)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	8.147.941.305	5.934.208.566
	- *Nguyên giá*	*228*		*45.543.818.863*	*42.766.818.863*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(37.395.877.558)*	*(36.832.610.297)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**11.548.265.514**	**4.541.477.414**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	11.548.265.514	4.541.477.414
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.2**	**177.991.747.134**	**195.716.895.555**
1.	Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2.	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		79.216.920.657	96.466.920.657
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	31.256.863.385
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.467.305.428)	(45.992.157.007)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**43.263.608.409**	**40.840.087.791**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	43.263.608.409	40.840.087.791
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**1.977.168.205.601**	**2.094.921.749.284**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**1.551.207.158.798**	**1.690.852.858.287**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.498.595.012.572**	**1.631.319.307.305**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	213.055.616.491	176.044.814.043
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	30.744.879.721	33.016.896.452
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.996.456.480	5.690.992.100
4.	Phải trả người lao động	314		34.253.783.481	75.467.467.475
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	40.905.261.724	49.746.954.756
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	17.739.804.616	1.462.684.176
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	16.804.262.238	10.192.537.560
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.105.365.154.818	1.256.211.469.895
9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		29.729.793.003	23.485.490.848
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**52.612.146.226**	**59.533.550.982**
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	25.642.146.226	25.569.273.282
2.	Phải trả dài hạn khác	337	5.17	3.000.000.000	9.994.277.700
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	23.970.000.000	23.970.000.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)**	**400**		**425.961.046.803**	**404.068.890.997**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	5.19	**425.961.046.803**	**404.068.890.997**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		48.242.591.185	45.642.229.475
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.718.455.618	158.426.661.522
	- *LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*146.464.997.657*	*106.419.427.332*
	- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*31.253.457.961*	*52.007.234.190*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**1.977.168.205.601**	**2.094.921.749.284**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Hiếu	Đặng Minh Tuyến	Nguyễn Ngọc Lân

M.S.D.N:0300398889-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ- CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**1.251.588.294.226**	**1.207.736.104.228**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.630.796.557	2.480.020.367
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**	**6.3**	**1.247.957.497.669**	**1.205.256.083.861**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.001.120.800.638	977.970.644.777
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**246.836.697.031**	**227.285.439.084**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	35.938.102.777	32.899.631.833
7.	Chi phí tài chính	22	6.6	34.184.899.153	32.996.817.483
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*25.930.064.647*	*21.219.383.007*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.7	112.499.104.519	103.772.697.157
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	104.822.390.291	95.827.741.222
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**31.268.405.845**	**27.587.815.055**
11.	Thu nhập khác	31	6.9	3.309.723.365	4.787.721.480
12.	Chi phí khác	32	6.9	19.302.817	63.448.155
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.9**	**3.290.420.548**	**4.724.273.325**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**34.558.826.393**	**32.312.088.380**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	3.305.368.432	3.778.245.763
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**31.253.457.961**	**28.533.842.617**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Hiếu	Đặng Minh Tuyến	Nguyễn Ngọc Lân

M.S.D.N: 0300398889 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN - QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***34.558.826.393***	***32.312.088.380***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		16.522.500.847	18.158.625.916
-	Các khoản dự phòng	03		(264.247.087)	275.257.051
-	Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.041.498.775)	(16.979.244.061)
-	Chi phí lãi vay	06		25.930.064.647	21.219.383.007
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***53.705.646.025***	***54.986.110.293***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		184.203.787.429	(21.037.657.954)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52.281.610.376)	(107.112.666.178)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.113.330.360	12.464.951.006
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.015.351.013	(973.684.559)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(25.930.064.647)	(22.096.125.447)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.455.927.701)	(5.354.241.128)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.117.000.000)	(3.882.700.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***149.253.512.103***	***(93.006.013.967)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.568.299.515)	(36.828.290.325)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		651.523.860	961.548.891
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.500.000.000)	(6.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	5.000.000.000
5	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
6	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.149.769.550	5.036.546.303
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(12.267.006.105)***	***(30.830.195.131)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.900.000.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33		1.119.349.189.753	1.109.063.220.650
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.270.195.504.830)	(1.045.243.992.411)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**(150.846.315.077)**	**72.719.228.239**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(13.859.809.079)**	**(51.116.980.859)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**189.258.492.532**	**129.667.196.220**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**175.398.683.453**	**78.550.215.361**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Hiếu	Đặng Minh Tuyến	Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn)*.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2025: 2.879 người (tại ngày 31/12/2024 là: 2.980 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;…

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
A.	**Công ty con**					
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm công nghiệp Tam Quan, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
B.	**Công ty liên kết**					
1	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (i)	Số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	0,00%	0,00%	0,00%
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
7	Công ty Cổ phần May 9	Số 215 Hàng Thao, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90 Bis Tôn Thất Thuyết, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%

(i) Trong tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
C.	**Các đơn vị trực thuộc**	
1	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	Lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thắng, phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	Số 54 đường Phạm Ngọc Thạch, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	Km3 - Quốc lộ 14, phường Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
4	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
7	Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh	2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

(i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,…): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2025.

(ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí tư vấn, đào tạo, quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 0 đồng (kỳ trước: 765.809.411 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí gia công, chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, chí phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng và dịch vụ đi kèm).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	14.713.816.241	11.408.206.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.684.867.212	96.850.285.869
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	81.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	*38.000.000.000*	*81.000.000.000*
Tổng	**175.398.683.453**	**189.258.492.532**

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	29.651.205.994	29.651.205.994	16.151.205.994	16.151.205.994
Tổng	**29.651.205.994**	**29.651.205.994**	**16.151.205.994**	**16.151.205.994**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 9,5%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 2.651.205.994 VND tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô đang được cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

		Tỷ lệ		30/06/2025			01/01/2025		
STT	Tên Công ty	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)
	Đầu tư vào Công ty con			**113.985.268.520**		**(15.300.000.000)**	**113.985.268.520**		**(15.300.000.000)**
1	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	(i)	-	27.782.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	(i)	-	17.850.000.000	(i)	-
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)
4	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	25.500.000.000	(i)	-	25.500.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	(i)	-	11.535.620.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000	(i)	-	10.200.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	(i)	-	5.817.648.520	(i)	-
	Đầu tư vào Công ty liên kết			**79.216.920.657**		**(30.384.007.484)**	**96.466.920.657**		**(30.556.694.277)**
1	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (ii)	0,00%	0,00%	-	(i)	-	17.250.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	(i)	-	15.360.000.000	(i)	-
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(i)	(4.824.912.599)	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	(i)	-	9.180.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	3.429.000.000	(i)	-	3.429.000.000	(i)	-
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000	(i)	-	5.000.000.000	(i)	-
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	(i)	-	1.500.000.000	(i)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		30/06/2025			01/01/2025		
		Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)
	Đầu tư vào đơn vị khác			**31.256.863.385**		**(783.297.944)**	**31.256.863.385**		**(135.462.730)**
1	Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(i)	(783.297.944)	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (iii)	2,61%	2,61%	5.337.100.000	8.337.960.000	-	5.337.100.000	9.023.647.500	-
4	Công ty Cổ phần Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(i)	-	3.480.000.000	(i)	-
	Tổng			**224.459.052.562**		**(46.467.305.428)**	**241.709.052.562**		**(45.992.157.007)**

(i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Trong tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.

(iii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
BMB Clothing Group	32.225.961.184	35.097.506.252
Arcadia Group Brands Ltd.	4.206.480.004	4.206.480.004
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	32.750.303.316	32.750.303.316
Haggar Clothing Co	15.806.480.387	75.927.992.714
Motives (Far East) Ltd.	22.995.663.512	61.864.466.325
Punto FA,S.L	70.180.397.771	142.258.466.414
Công ty Cổ phần May Gia Lai	4.214.249.892	7.325.767.909
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	362.045.160	301.453.918
Phải thu các đối tượng khác	407.315.743.205	347.783.038.651
Tổng	**590.057.324.431**	**707.515.475.503**
Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	***154.091.115.420***	***151.459.873.065***

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.349.363.515	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	438.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	40.702.090.132	53.079.126.335
Đối tượng khác	6.395.536.448	6.378.861.136
Tổng	**62.884.992.993**	**81.007.023.245**
Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	***57.423.553.085***	***81.532.219.787***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu khác

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	**Dự phòng**	**Giá trị ghi sổ**	**Dự phòng**
a) Ngắn hạn	**139.371.342.688**	**(148.718.573)**	**113.438.019.766**	**(295.574.648)**
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết, trong đó:	65.761.534.616	-	64.444.173.169	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	*16.689.979.597*	-	*16.116.764.721*	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	*7.423.237.451*	-	*6.999.994.988*	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	*15.586.944.629*	-	*15.266.040.521*	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	*24.989.510.833*	-	*24.989.510.833*	-
Các Công ty khác	*1.071.862.106*	-	*1.071.862.106*	-
Phải thu cổ tức	5.324.784.976	-	3.383.618.976	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	284.954.234	-
Phải thu tạm ứng	10.429.228.394	-	8.933.060.602	-
Phải thu người lao động (i)	44.414.324	-	49.902.682	-
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (ii)	25.026.230.000	-	19.180.230.000	-
Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh (iii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (iv)	17.250.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	129.699.310	-	142.357.595	-
Phải thu khác	13.885.458.041	(148.718.573)	15.499.729.481	(295.574.648)
b) Dài hạn	**21.291.265.469**	**-**	**27.291.265.469**	**-**
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	830.555.553	-	830.555.553	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	12.700.000.000	-	12.700.000.000	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	6.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.760.709.916	-	1.760.709.916	-
Tổng	**160.662.608.157**	**(148.718.573)**	**140.729.285.235**	**(295.574.648)**
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)	***104.139.849.145***	-	***88.329.616.592***	-

(i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.

(ii) Đây là số tiền uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A uỷ thác cho Bên B sử dụng số tiền uỷ thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.

(iii) Tổng Công ty chi hộ cho Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh về dự án Đức Linh 2.

(iv) Khoản phải thu Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè liên quan đến tiền chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	172.692.323	-	6.778.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	120.402.134.401	-	103.181.711.473	-
Công cụ, dụng cụ	5.469.953.095	-	4.852.484.495	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262.556.314.206	-	212.025.418.466	-
Thành phẩm	61.347.056.131	(742.678.607)	66.934.985.533	(1.335.218.039)
Hàng hóa	14.141.275.854	-	17.849.339.232	-
Hàng gửi bán	31.543.604.550	-	38.500.702.185	-
Tổng	**495.633.030.560**	**(742.678.607)**	**443.351.420.184**	**(1.335.218.039)**

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**6.996.360.440**	**10.435.232.071**
Chi phí thuê mặt bằng	515.289.831	2.322.104.509
Chi phí bảo hiểm	1.297.896.861	2.384.820.419
Chi phí quảng cáo	1.101.213.330	684.702.524
Chi phí công cụ dụng cụ	1.009.857.145	605.046.892
Chi phí sửa chữa	335.312.970	1.398.484.921
Chi phí khác	2.736.790.303	3.040.072.806
b) Dài hạn	**43.263.608.409**	**40.840.087.791**
Chi phí thuê đất (i)	11.776.277.254	12.001.911.508
Chi phí sửa chữa	14.217.868.689	9.942.606.787
Chi phí công cụ dụng cụ	10.306.475.809	11.382.868.281
Chi phí tư vấn, đào tạo	749.999.994	999.999.996
Chi phí quảng cáo	1.070.587.810	113.309.647
Chi phí khác	5.142.398.853	6.399.391.572
Tổng	**50.259.968.849**	**51.275.319.862**

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thắng, phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	**9.169.065.514**	**4.541.477.414**
Mua sắm máy móc thiết bị	9.169.065.514	4.541.477.414
Sửa chữa tài sản cố định	**2.379.200.000**	**-**
Nâng cấp, cải tạo Cụm Công nghiệp Cát Trinh	2.379.200.000	-
Tổng	**11.548.265.514**	**4.541.477.414**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Nợ xấu

	30/6/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
Đối tượng	**Tuổi nợ**	**Giá gốc (+)**	**Dự phòng (-)**	**Giá trị có thể thu hồi**	**Tuổi nợ**	**Giá gốc (+)**	**Dự phòng (-)**	**Giá trị có thể thu hồi**
Phải thu khách hàng ngắn hạn								
Công ty TNHH Asia Garment	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-
Phải thu khác ngắn hạn								
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	148.718.573	(148.718.573)	-	Từ 02 đến 03 năm	438.402.224	(295.574.649)	142.827.575
Tổng		**1.886.251.517**	**(1.886.251.517)**	-		**2.175.935.168**	**(2.033.107.593)**	**142.827.575**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**290.091.627.298**	**376.978.039.022**	**109.134.622.727**	**4.632.778.103**	**780.837.067.150**
Tăng trong kỳ	**-**	**8.652.883.850**	**1.330.305.455**	**-**	**9.983.189.305**
Mua trong kỳ	-	8.652.883.850	1.330.305.455	-	9.983.189.305
Giảm trong kỳ	**(805.355.000)**	**(8.095.793.611)**	**(586.600.000)**	**(83.000.000)**	**(9.570.748.611)**
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(8.095.793.611)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.570.748.611)
Số dư tại ngày 30/6/2025	**289.286.272.298**	**377.535.129.261**	**109.878.328.182**	**4.549.778.103**	**781.249.507.844**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**198.181.938.133**	**318.493.520.365**	**85.503.801.233**	**4.346.551.054**	**606.525.810.785**
Tăng trong kỳ	**3.757.763.926**	**10.218.384.113**	**1.909.043.286**	**74.042.261**	**15.959.233.586**
Khấu hao trong kỳ	3.757.763.926	10.218.384.113	1.909.043.286	74.042.261	15.959.233.586
Giảm trong kỳ	**(805.355.000)**	**(7.731.289.133)**	**(586.600.000)**	**(83.000.000)**	**(9.206.244.133)**
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(7.731.289.133)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.206.244.133)
Số dư tại ngày 30/6/2025	**201.134.347.059**	**320.980.615.345**	**86.826.244.519**	**4.337.593.315**	**613.278.800.238**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**91.909.689.165**	**58.484.518.657**	**23.630.821.494**	**286.227.049**	**174.311.256.365**
Tại ngày 30/6/2025	**88.151.925.239**	**56.554.513.916**	**23.052.083.663**	**212.184.788**	**167.970.707.606**

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 456.126.375.956 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 426.717.385.258 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 4.989.855.083 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 9.498.873.005 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	**10.449.268.907**	**5.838.965.451**	**26.478.584.505**	**42.766.818.863**
Tăng trong kỳ	**-**	**-**	**2.777.000.000**	**2.777.000.000**
Mua trong kỳ	-	-	2.777.000.000	2.777.000.000
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại ngày 30/6/2025	**10.449.268.907**	**5.838.965.451**	**29.255.584.505**	**45.543.818.863**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	**6.363.979.129**	**5.838.965.451**	**24.629.665.717**	**36.832.610.297**
Tăng trong kỳ	**175.685.992**	**-**	**387.581.269**	**563.267.261**
Khấu hao trong kỳ	175.685.992	-	387.581.269	563.267.261
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại ngày 30/6/2025	**6.539.665.121**	**5.838.965.451**	**25.017.246.986**	**37.395.877.558**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	**4.085.289.778**	**-**	**1.848.918.788**	**5.934.208.566**
Tại ngày 30/6/2025	**3.909.603.786**	**-**	**4.238.337.519**	**8.147.941.305**

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 27.176.675.333 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 23.098.542.933 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Tam Quan	20.527.778.255	20.527.778.255	17.843.292.304	17.843.292.304
Motives (Far East) Ltd.	6.029.184.714	6.029.184.714	2.793.835.214	2.793.835.214
Chia Her Ind. Co., Ltd.	12.970.433.963	12.970.433.963	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	6.549.396.996	6.549.396.996	3.936.453.524	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	8.641.172.789	8.641.172.789	8.564.698.109	8.564.698.109
Các đối tượng khác	158.337.649.774	158.337.649.774	142.906.534.892	142.906.534.892
Tổng	**213.055.616.491**	**213.055.616.491**	**176.044.814.043**	**176.044.814.043**
Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	***60.711.127.894***	***60.711.127.894***	***53.430.094.811***	***53.430.094.811***

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	2.775.789.270	2.665.315.854
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở	-	23.742.097.920
Grosso Moda Netherland B.V	1.436.966.843	1.436.966.843
Tong Fan International Trading Corp.	5.173.200.000	-
The Haberdash Group Dba Twillory.	5.266.330.751	-
Carreman International.	4.097.820.000	-
Các đối tượng khác	11.994.772.857	5.172.515.835
Tổng	**30.744.879.721**	**33.016.896.452**

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	**5.690.992.100**	**18.879.192.905**	**14.573.728.525**	**9.996.456.480**
Thuế giá trị gia tăng	1.964.558.937	10.517.865.655	4.401.253.891	8.081.170.701
Thuế xuất nhập khẩu	35.811.221	510.622.075	489.553.223	56.880.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.657.945.845	3.305.368.432	4.963.314.277	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.504.879.677	1.741.457.670	2.399.793.528	846.543.819
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.219.363	466.074.000	812.145.363
Thuế môn bài	-	22.300.000	22.300.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	527.796.420	1.503.359.710	1.831.439.606	199.716.524
Phải thu	**1.879.475.261**	**-**	**4.749.044.208**	**6.628.519.469**
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	-	41.968.382	1.762.047.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.492.613.424	4.492.613.424
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	214.462.402	373.858.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	6.647.354.267	11.420.606.007
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	11.408.455.668	10.461.278.348
Trích trước chi phí gia công	16.719.634.837	23.056.732.744
Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.001.364.732	4.013.154.930
Chi phí phải trả khác	1.128.452.220	795.182.727
Tổng	**40.905.261.724**	**49.746.954.756**

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**17.739.804.616**	**1.462.684.176**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.739.804.616	1.462.684.176
- Các đối tượng khác	*17.739.804.616*	*1.462.684.176*
b) Dài hạn	**25.642.146.226**	**25.569.273.282**
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	25.642.146.226	25.569.273.282
- Công ty Cổ phần May Tam Quan	*3.194.167.556*	*3.121.290.664*
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	*5.358.588.486*	*5.358.592.447*
- Công ty TNHH Delta Galil VN	*13.241.846.588*	*13.127.279.527*
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Wash HNC	*3.847.543.596*	*3.962.110.644*
Tổng	**43.381.950.842**	**27.031.957.458**
Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)	***3.242.801.762***	***3.121.290.664***

5.17 Phải trả khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**16.804.262.238**	**10.192.537.560**
Kinh phí công đoàn	3.197.248.131	2.009.972.967
Bảo hiểm xã hội	3.720.158.927	12.321.064
Phải trả khác	9.886.855.180	8.170.243.529
- Công ty Cổ phần May Gia Lai	*1.236.426.303*	*3.749.031.871*
- Sport Field Limited	*4.196.520.000*	-
- Các đối tượng khác	*4.453.908.877*	*4.421.211.658*
b) Dài hạn	**3.000.000.000**	**9.994.277.700**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000.000	9.994.277.700
Tổng	**19.804.262.238**	**20.186.815.260**
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)	***1.236.426.303***	***3.749.031.871***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	**1.105.365.154.818**	**1.105.365.154.818**	**1.119.349.189.753**	**1.270.195.504.830**	**1.256.211.469.895**	**1.256.211.469.895**
Vay ngắn hạn	***1.101.665.154.818***	***1.101.665.154.818***	***1.119.349.189.753***	***1.266.463.504.830***	***1.248.779.469.895***	***1.248.779.469.895***
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	317.594.576.225	317.594.576.225	324.451.377.501	396.811.858.695	389.955.057.419	389.955.057.419
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	482.875.192.402	482.875.192.402	482.875.192.403	469.766.383.505	469.766.383.504	469.766.383.504
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	161.612.070.315	161.612.070.315	170.850.743.255	160.516.410.799	151.277.737.859	151.277.737.859
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	14.709.655.766	14.709.655.766	14.709.655.766
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (4)	131.241.837.204	131.241.837.204	131.241.837.208	207.882.920.144	207.882.920.140	207.882.920.140
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (5)	8.341.478.672	8.341.478.672	9.930.039.386	16.776.275.921	15.187.715.207	15.187.715.207
Nợ dài hạn đến hạn trả	***3.700.000.000***	***3.700.000.000***	-	***3.732.000.000***	***7.432.000.000***	***7.432.000.000***
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	3.060.000.000	3.060.000.000	-	3.060.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (7)	640.000.000	640.000.000	-	672.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000
b) Vay dài hạn	**23.970.000.000**	**23.970.000.000**	-	-	**23.970.000.000**	**23.970.000.000**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	23.970.000.000	23.970.000.000	-	-	23.970.000.000	23.970.000.000
Tổng	**1.129.335.154.818**	**1.129.335.154.818**	**1.119.349.189.753**	**1.270.195.504.830**	**1.280.181.469.895**	**1.280.181.469.895**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng:	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 64/98099/24-DN1/N-CTD-SĐ1 ngày 18/3/2025;
Hạn mức vay:	340.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/8/2025;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay:	Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo:	+ Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo + Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025:	317.594.576.225 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/4/2025;
Hạn mức vay:	700.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 08/7/2024;
Thời hạn duy trì hạn mức:	Đến hết ngày 04/4/2026.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay:	Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo:	Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025:	482.875.192.402 VND.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng:	Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.3403.070525 ngày 02/6/2025;
Hạn mức vay:	200.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức:	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 02/6/2025;
Lãi suất vay:	Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo:	Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025:	161.612.070.315 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD và phụ lục hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD.PL01 ngày 22/05/2025;
Hạn mức vay:	Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	Phụ lục gia hạn đến ngày 15/8/2025;
Lãi suất vay:	Lãi suất. trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
Mục đích vay:	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
Biện pháp đảm bảo:	Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025:	131.241.837.204 VND.

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

Số hợp đồng:	Hợp đồng tín dụng số 1031132.25 ngày 08/4/2025;
Hạn mức vay:	150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức:	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
Lãi suất vay:	Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân và sẽ được thông báo cụ thể trên từng đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Biện pháp đảm bảo:	Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025:	8.341.478.672 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCT NBC_KONTUM;
Hạn mức vay:	46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;
Thời hạn duy trì hạn mức:	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;
Lãi suất vay:	Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
Mục đích vay:	Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;
Biện pháp đảm bảo:	Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm: Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023; Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025:	27.030.000.000 VND. Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 3.060.000.000 VND.

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;
Hạn mức vay:	Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó: + Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND; + Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	12 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn; 36 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ dài hạn;
Lãi suất vay:	Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;
Biện pháp đảm bảo:	Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025:	Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 640.000.000 VND. Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 640.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**191.100.000.000**	**43.093.933.885**	**156.361.587.045**	**390.555.520.930**
Tăng vốn trong năm trước	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	52.007.234.190	52.007.234.190
Chia cổ tức	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	2.548.295.590	(2.548.295.590)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.644.886.769)	(7.644.886.769)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.528.977.354)	(1.528.977.354)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**200.000.000.000**	**45.642.229.475**	**158.426.661.522**	**404.068.890.997**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**200.000.000.000**	**45.642.229.475**	**158.426.661.522**	**404.068.890.997**
Lãi trong kỳ này	-	-	31.253.457.961	31.253.457.961
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.600.361.710	(2.600.361.710)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(7.801.085.129)	(7.801.085.129)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	(1.560.217.026)	(1.560.217.026)
Số dư tại ngày 30/6/2025	**200.000.000.000**	**48.242.591.185**	**177.718.455.618**	**425.961.046.803**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp tục)

Trong kỳ, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/6/2025 như sau:

		Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế	:	2.600.361.710
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế	:	7.801.085.129
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	:	1.560.217.026

Tổng Công ty chưa ghi nhận cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	25,200%	5.040.000	50.400.000.000	25,200%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,394%	4.878.706	48.787.060.000	24,394%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	(i)	(i)	(i)	8,474%	1.694.720	16.947.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,100%	1.420.000	14.200.000.000	7,100%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	43,306%	8.661.294	86.612.940.000	34,833%	6.966.574	69.665.740.000
Tổng	**100%**	**20.000.000**	**200.000.000.000**	**100%**	**20.000.000**	**200.000.000.000**

(i) Tại ngày 30/6/2025, Ông La Văn Tốt không còn là cổ đông lớn nên không trình bày.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	**200.000.000.000**	**191.100.000.000**
Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.900.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	**200.000.000.000**	**200.000.000.000**

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**20.000.000**	**20.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	**20.000.000**	**20.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**20.000.000**	**20.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	48.242.591.185	45.642.229.475
Tổng	**48.242.591.185**	**45.642.229.475**

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	8.700.488.682	8.700.488.682
Tổng	**15.324.048.442**	**15.324.048.442**

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
Giá trị theo loại ngoại tệ		
USD	3.086.217,38	947.144,95
EUR	133.498,04	170.635,27
Giá trị tương đương VND		
USD	80.145.914.873	23.917.050.272
EUR	3.486.444.672	4.455.860.234

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.232.526.785.736	1.193.256.296.917
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.061.508.490	14.479.807.311
Tổng	**1.251.588.294.226**	**1.207.736.104.228**
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)	***64.504.557.480***	***123.210.506.876***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giảm giá hàng bán	2.537.051.153	1.256.587.075
Hàng bán bị trả lại	1.093.745.404	1.223.433.292
Tổng	**3.630.796.557**	**2.480.020.367**

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.228.895.989.179	1.190.776.276.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.061.508.490	14.479.807.311
Tổng	**1.247.957.497.669**	**1.205.256.083.861**

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	996.820.658.780	975.138.657.587
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(592.539.432)	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.892.681.290	2.831.987.190
Tổng	**1.001.120.800.638**	**977.970.644.777**

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.020.020.997	2.262.480.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.544.096.000	14.547.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.373.985.780	16.089.251.378
Tổng	**35.938.102.777**	**32.899.631.833**
Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)	***17.853.870.000***	***13.999.350.000***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	25.930.064.647	21.219.383.007
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	475.148.421	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.053.199.786	11.600.681.483
Chiết khấu thanh toán	726.486.299	176.752.993
Tổng	**34.184.899.153**	**32.996.817.483**

6.7 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	20.679.091.325	16.015.660.689
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.085.432.358	2.288.548.860
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	437.775.723	166.318.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.239.802.296	1.305.881.677
Thuế, phí, lệ phí	31.558.125	47.249.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.299.282.779	78.994.199.355
- Chi phí hoa hồng	*17.072.693.023*	*22.353.887.747*
- Chi phí xuất khẩu	*28.697.984.906*	*41.473.198.046*
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	*6.672.100.419*	*6.714.823.887*
- Chi phí quảng cáo	*28.445.954.984*	*4.408.625.721*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	*3.410.549.447*	*4.043.663.954*
Chi phí bằng tiền khác	3.726.161.913	4.954.838.617
Tổng	**112.499.104.519**	**103.772.697.157**

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	68.040.790.111	59.367.519.712
Chi phí vật liệu quản lý	3.246.161.703	3.631.396.393
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.304.662.934	1.318.056.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.281.989.763	7.199.476.913
Thuế phí và lệ phí	1.884.438.581	414.590.897
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(146.856.076)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.050.685.044	17.140.612.692
Chi phí bằng tiền khác	8.160.518.231	6.480.831.069
Tổng	**104.822.390.291**	**95.827.741.222**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác	**3.309.723.365**	**4.787.721.480**
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	477.381.778	168.863.606
Thu nhập khác	2.832.341.587	4.618.857.874
Tổng	**3.309.723.365**	**4.787.721.480**
Trong đó,		
Thu nhập khác với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	*622.716.000*	*450.320.330*
Chi phí khác	**19.302.817**	**63.448.155**
Các khoản phạt	19.093.058	55.178.585
Chi phí khác	209.759	8.269.570
Tổng	**19.302.817**	**63.448.155**
Lợi nhuận thuần khác	**3.290.420.548**	**4.724.273.325**

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	580.903.390.490	572.399.090.543
Chi phí nhân công	233.401.186.169	190.421.356.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.522.500.847	18.158.625.916
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(739.395.508)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.407.253.152	410.160.382.339
Chi phí khác bằng tiền	16.945.289.230	12.835.610.937
Tổng	**1.295.440.224.380**	**1.204.250.323.263**

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**34.558.826.393**	**32.312.088.380**
Các khoản điều chỉnh tăng	***1.512.111.769***	***1.127.040.433***
- Chi phí không được trừ	*1.241.954.375*	*820.797.512*
- Chi phí khấu hao vượt định mức	*251.064.336*	*251.064.336*
- Các khoản phạt	*19.093.058*	*55.178.585*
Các khoản điều chỉnh giảm	***(19.544.096.000)***	***(14.547.900.000)***
- Thu nhập từ nhận cổ tức	*(19.544.096.000)*	*(14.547.900.000)*
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**16.526.842.162**	**18.891.228.813**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	**20%**	**20%**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.305.368.432**	**3.778.245.763**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

a. Phát hành trái phiếu chuyển đổi

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/2025/HĐQT ngày 14/7/2025 thông qua việc triển khai phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng như sau:

Tổ chức phát hành: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần;

Mã trái phiếu: MNB425001;

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền; 100% khối lượng trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau 24 tháng kể từ ngày phát hành; Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 05 cổ phần phổ thông)

Tổng giá trị phát hành: 180.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi tỷ đồng), tương ứng với 1.800.000 Trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/ Trái phiếu;

Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái phiếu theo quy định;

Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;

Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm kể từ ngày phát hành;

Lãi suất: 5%/ năm;

Cũng tại ngày 14/7/2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 34/2025/HĐQT về việc thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/2025/HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty đang thực hiện các bước để phát hành trái phiếu chuyển đổi theo phương án đã phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)

b. Chia cổ tức năm 2024

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2025/HĐQT ngày 25/7/2025 về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 20%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/8/2025, ngày thanh toán là ngày 29/8/2025.

7.3 Thông tin về bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các biên liên quan như sau:

a. Thu nhập và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	306.000.000	306.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Tiền lương, thưởng	5.129.840.729	4.362.460.030
Tổng		**5.543.840.729**	**4.776.460.030**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch mua hàng và dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ gia công	-	54.982.625.772
		Thuê máy	-	1.522.950.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	-	11.167.385.641
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	15.778.904.952	9.148.424.973
		Hàng hóa, dịch vụ khác	73.307.778	91.918.749
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Dịch vụ gia công	74.350.959.124	35.112.759.664
		Hàng hóa, dịch vụ khác	805.555.554	805.555.554
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ gia công	48.270.264.130	58.944.661.963
		Hàng hóa, dịch vụ khác	-	139.972.500
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	277.657.609	714.237.824
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	Dịch vụ gia công	36.746.897.032	37.841.967.387
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	22.168.743.866	16.073.512.637
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	14.494.221.386	6.232.387.844
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	29.458.574.378	26.878.709.354
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	18.042.122.700	19.936.035.406
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	5.973.521.062	14.014.436.256
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè		Thiết bị, công cụ dụng cụ	14.798.656.350	3.587.153.950
Tổng			**281.239.385.921**	**297.194.695.474**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Tiền thuê nhà	158.574.108	158.574.108
		Điện, ăn, nước, thuê máy	9.512.474	7.281.730
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	244.359.259	268.647.540
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.407.344.095	26.337.799
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	19.311.814.465	12.598.595.369
		Điện, ăn, nước, thuê máy	493.445.170	507.821.132
		Hàng hóa, dịch vụ khác	218.906.183	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	16.660.000	25.340.000
		Tiền thuê nhà	-	24.765.000
		Dịch vụ gia công	5.410.994.956	68.716.597.958
		Hàng hóa, dịch vụ khác	255.800.580	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Tiền thuê nhà	72.865.000	
		Dịch vụ khác	125.919.740	
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	1.906.324.401
		Điện, ăn, nước, thuê máy	133.001.085	134.022.745
		Hàng hóa, dịch vụ khác	15.255.141	14.196.366

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	146.532.464	531.711.411
		Quần áo, nguyên phụ liệu	1.363.889	27.911.111
		Tiền thuê nhà	270.210.496	263.980.961
		Chi phí xuất nhập khẩu	1.695.773.577	965.591.227
		Hàng hóa, dịch vụ khác	772.639.411	474.918.040
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	32.129.600	7.150.000
		Hàng hóa, dịch vụ khác	298.431.664	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	64.291.368
		Dịch vụ khác	111.880.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	31.536.191.636	34.246.220.610
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1.609.107	487.676.599
		Tiền thuê nhà	348.672.871	
		Hàng hóa, dịch vụ khác	-	77.349.200
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	3.500.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	-	9.052.250
		Hàng hóa, dịch vụ khác	6.400.000	164.150.694
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	59.504.341	45.331.521
		Tiền thuê nhà	441.821.724	356.780.724
		Hàng hóa, dịch vụ khác	6.944.444	196.387.012
Tổng			**64.504.557.480**	**123.210.506.876**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch khác chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Cổ tức được chia			**17.853.870.000**	**13.999.350.000**
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Cổ tức	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Cổ tức	3.570.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	2.550.000.000	1.224.000.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Cổ tức	1.796.310.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Cổ tức	581.760.000	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Cổ tức	2.295.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Cổ tức	685.800.000	514.350.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	-	480.000.000
Thu nhập khác			**622.716.000**	**450.320.330**
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Bán tài sản	622.716.000	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Bán tài sản	-	450.320.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		**154.091.115.420**	**151.459.873.065**
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	32.828.741	261.671.632
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	1.501.780.997	6.663.230.349
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	4.214.249.892	7.325.767.909
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	38.758.091.458	43.916.617.653
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	8.751.000.000	8.751.000.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	30.915.000	-
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	32.750.303.316	32.750.303.316
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	651.018.667	1.149.113.344
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	66.540.194.181	49.904.226.874
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	221.006.168	84.178.988
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	-	14.036.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác ngắn hạn		**84.609.293.592**	**63.629.616.592**
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	581.760.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	16.689.979.597	15.286.209.168
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.586.944.629	15.266.040.521
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	17.265.998.976	15.998.976
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	24.989.510.833	24.989.510.833
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	7.423.237.451	6.999.994.988
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	71.862.106
Phải thu khác dài hạn		**19.530.555.553**	**24.700.000.000**
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	6.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	830.555.553	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
Trả trước người bán ngắn hạn		**57.423.553.085**	**81.532.219.787**
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	40.702.090.132	59.049.087.473
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.349.363.515	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	438.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	934.096.540	934.096.540

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		**60.711.127.894**	**53.430.094.811**
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	5.432.642.026	6.189.464.331
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	6.549.396.996	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	8.641.172.789	8.564.698.109
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	20.527.778.255	17.843.292.304
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	7.853.688.092	9.342.674.309
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	2.367.115.264	1.888.426.943
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	5.557.053.750	3.924.894.331
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	3.776.780.722	1.734.690.960
Phải trả khác ngắn hạn		**1.236.426.303**	**3.749.031.871**
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	1.236.426.303	3.749.031.871
Doanh thu chưa thực hiện		**3.242.801.762**	**3.121.290.664**
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.242.801.762	3.121.290.664

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Hiếu	Đặng Minh Tuyến	Nguyễn Ngọc Lân